

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 156/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP
ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Xét các Tờ trình số 2375/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Tờ
trình số 2482/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh
về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích
sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm
tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục
đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để thực hiện 13 công trình, dự án, với
tổng diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng là 227.882,6 m²; gồm:
4.866,2 m² rừng phòng hộ, 60.532,1 m² rừng sản xuất, 162.484,3 m² rừng ngoài
quy hoạch 3 loại rừng (theo quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình,
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



Trần Hải Châu



Phụ lục:

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG
RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên công trình/dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (m ²)	DT rừng tự nhiên đã được TT CP chấp thuận chủ trương CMĐSDR (m ²)	Diện tích có rừng trồng HĐND tỉnh quyết định chủ trương CMĐSDR (m ²)	Loại rừng (m ²)			Diện tích không có rừng (m ²)	Địa điểm
						Quy hoạch phòng hộ	Quy hoạch sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng		
Tổng cộng			762.057,0	128.858,8	227.882,6	4.866,2	60.532,1	162.484,3	405.315,6	
1	Công trình Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường D1 Đô thị Dinh Mười	BQL Dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Quảng Ninh	50.126,5		46.825,1			46.825,1	3.301,4	Các xã: Gia Ninh, Võ Ninh, huyện Quảng Ninh
2	Công trình Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường D2 Đô thị Dinh Mười	BQL Dự án ĐTXD và PTQĐ H. Quảng Ninh	85.508,3		34.139,9		28.494,3	5.645,6	51.368,4	Các xã: Gia Ninh, Võ Ninh, huyện Quảng Ninh
3	Công trình Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường D3 Đô thị Dinh Mười	BQL Dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Quảng Ninh	35.470,2		25.404,8			25.404,8	10.065,4	Các xã: Gia Ninh, Võ Ninh, huyện Quảng Ninh
4	Dự án Đường cứu hộ, cứu nạn xã Trường Xuân đi xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh (giai đoạn 1)	UBND huyện Quảng Ninh	185.527,6	101.723,6	2.998,0		2.998,0		80.806,0	Xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh
5	Đường nối từ bản Hang Chuồn đi khe Nước Lạnh, huyện Quảng Ninh	UBND huyện Quảng Ninh	41.873,7	27.135,2	4.866,2	4.866,2			9.872,3	Xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh
6	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Dinh Mười, huyện Quảng Ninh (lô đất OM47)	UBND huyện Quảng Ninh	44.684,7		32.085,2		515,9	31.569,3	12.599,5	Xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh
7	Dự án Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Troóc Trầu (giai đoạn 2)	UBND huyện Quảng Ninh	7.877,9		4.294,2		1.774,1	2.520,1	3.583,7	Xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh

TT	Tên công trình/dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (m ²)	DT rừng tự nhiên đã được TT CP chấp thuận chủ trương CMĐSDR (m ²)	Diện tích có rừng trồng HUBND tỉnh quyết định chủ trương CMĐSDR (m ²)	Loại rừng (m ²)			Diện tích không có rừng (m ²)	Địa điểm
						Quy hoạch phòng hộ	Quy hoạch sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng		
8	Công trình Di dời đường điện, viễn thông phục vụ GPMB xây dựng dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn Bùng - Vạn Ninh qua địa phận huyện Quảng Ninh	UBND huyện Quảng Ninh	9.204,7		2.350,9		1.150,8	1.200,1	6.853,8	Các xã: An Ninh, Hàm Ninh, Hiền Ninh, Vạn Ninh, Vĩnh Ninh, Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh
9	Công trình Di dời, hoàn trả hệ thống đường điện 500kV và 220kV bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn Vạn Ninh - Cam Lộ (đoạn qua địa phận huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình).	UBND huyện Lệ Thủy	4.345,5		799,3			799,3	3.546,2	Các xã: Kim Thủy, Phú Thủy, Trường Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
10	Dự án Điểm dịch vụ thương mại tại Km688+250(P) tuyến tránh vượt lũ Quảng Bình.	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Nam Trang	15.000,2		15.000,2			15.000,2		Xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy
11	Dự án Trang trại tổng hợp hồ Khe Chè.	Công ty TNHH Nông nghiệp cao và Du lịch sinh thái Khe Chè	38.613,3		29.522,4		21.715,2	7.807,2	9.090,9	Xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch
12	Dự án Di dân khẩn cấp vùng ngập lụt xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa	UBND huyện Minh Hóa	224.400,0		24.246,2		739,4	23.506,8	200.153,8	Xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa
13	Trạm biến áp 110kV Tuyên Hóa và đầu nối	Ban quản lý dự án lưới điện miền trung	19.424,4		5.350,2		3.144,4	2.205,8	14.074,2	Các xã Hóa Phúc, Hồng Hóa, Yên Hóa (huyện Minh Hóa); các xã Lê Hóa, Sơn Hóa, Thạch Hóa, Đức Hóa, Tiến Hóa, thị trấn Đồng Lê (huyện Tuyên Hóa)